

TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TỈNH ĐẮK LẮK

Số: 1406 /CTĐLA-TTHT  
V/v chính sách thuế TNCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Công ty TNHH Cà phê Ngon

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Cư Kuin, xã Dray Bông, huyện Cư Kuin, Đắk Lắk.

Ngày 09/5/2023, Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk nhận được Công văn số 01-23/CPN/CV ngày 08/5/2023 của Công ty TNHH Cà phê Ngon (sau đây gọi tắt là Công ty) về việc kê khai, nộp thuế đối với cá nhân người nước ngoài không hiện diện ở Việt Nam. Về vấn đề này, Cục Thuế có ý kiến như sau:

- Tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân:

*“Điều 2. Các khoản thu nhập chịu thuế*

...

*2. Thu nhập từ tiền lương, tiền công*

...

*c) Tiền thù lao nhận được dưới các hình thức như: tiền hoa hồng đại lý bán hàng hóa, tiền hoa hồng môi giới; tiền tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; tiền tham gia các dự án, đề án; tiền nhuận bút theo quy định của pháp luật về chế độ nhuận bút; tiền tham gia các hoạt động giảng dạy; tiền tham gia biểu diễn văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao; tiền dịch vụ quảng cáo; tiền dịch vụ khác, thù lao khác.”*

- Tại khoản 1 Điều 18 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân:

*“Điều 18. Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công*

*1. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định bằng thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công nhân (x) với thuế suất 20%.”*

- Tại Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân:

*“ 1. Khấu trừ thuế*

*Khấu trừ thuế là việc tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện tính trừ số thuế phải nộp vào thu nhập của người nộp thuế trước khi trả thu nhập, cụ thể như sau:*

*a) Thu nhập của cá nhân không cư trú*

*Tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập chịu thuế cho cá nhân không cư trú có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân trước khi trả thu nhập. Số thuế phải*



khẩu trừ được xác định theo hướng dẫn tại Chương III (từ Điều 17 đến Điều 23) Thông tư này.”

...

## 2. Chứng từ khấu trừ

a) Tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập đã khấu trừ thuế theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều này phải cấp chứng từ khấu trừ thuế theo yêu cầu của cá nhân bị khấu trừ. Trường hợp cá nhân ủy quyền quyết toán thuế thì không cấp chứng từ khấu trừ.”

- Tại điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế:

“ c) Thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc diện khấu trừ thuế theo quy định của pháp luật thuế thu nhập cá nhân, mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đó thuộc diện khai thuế giá trị gia tăng theo quý và lựa chọn khai thuế thu nhập cá nhân theo quý; cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế và lựa chọn khai thuế thu nhập cá nhân theo quý.”

- Tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ:

“ 1. Chứng từ khấu trừ thuế có các nội dung sau:

a) Tên chứng từ khấu trừ thuế, ký hiệu mẫu chứng từ khấu trừ thuế, ký hiệu chứng từ khấu trừ thuế, số thứ tự chứng từ khấu trừ thuế;

b) Tên, địa chỉ, mã số thuế của người nộp;

c) Tên, địa chỉ, mã số thuế của người nộp thuế (nếu người nộp thuế có mã số thuế);

d) Quốc tịch (nếu người nộp thuế không thuộc quốc tịch Việt Nam);

đ) Khoản thu nhập, thời điểm trả thu nhập, tổng thu nhập chịu thuế, số thuế đã khấu trừ; số thu nhập còn được nhận;

e) Ngày, tháng, năm lập chứng từ khấu trừ thuế;

g) Họ tên, chữ ký của người trả thu nhập.

Trường hợp sử dụng chứng từ khấu trừ thuế điện tử thì chữ ký trên chứng từ điện tử là chữ ký số.”

- Tại khoản 5 Điều 12 Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ:

“ 5. Việc sử dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân tiếp tục thực hiện theo Thông tư số 37/2010/TT-BTC ngày 18/3/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về



việc phát hành, sử dụng, quản lý chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân tự in trên máy tính (và văn bản sửa đổi, bổ sung) và Quyết định số 102/2008/QĐ-BTC ngày 12/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành mẫu chứng từ thu thuế thu nhập cá nhân đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022. Trường hợp các tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin được áp dụng hình thức chứng từ điện tử khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP trước ngày 01 tháng 7 năm 2022 và thực hiện các thủ tục theo hướng dẫn tại Thông tư số 37/2010/TT-BTC ngày 18/3/2010 của Bộ Tài chính.”

Căn cứ các quy định nêu trên và trình bày của Công ty:

- Trường hợp Công ty ký hợp đồng với người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam thực hiện dịch vụ môi giới bán sản phẩm của Công ty ở nước ngoài thì cá nhân thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân. Khoản hoa hồng môi giới là thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú chịu thuế suất 20% tính trên tiền hoa hồng theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 nêu trên.

- Công ty kê khai thuế TNCN khi phát sinh chi trả thu nhập đối với cá nhân không cư trú. Công ty lựa chọn kê khai thuế TNCN theo quý trong trường hợp Công ty thuộc diện khai thuế giá trị gia tăng theo quý.

- Khi cá nhân đã được khấu trừ thuế yêu cầu, Công ty lập và cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân đã được khấu trừ thuế. Chứng từ khấu trừ thuế TNCN được thực hiện theo khoản 1 Điều 32 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và khoản 5 Điều 12 Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính nêu trên.

- Công ty khi sử dụng chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử không bắt buộc phải đăng ký, thông báo phát hành, chuyển dữ liệu điện tử đến CQT, tổ chức khấu trừ tự xây dựng hệ thống phần mềm để sử dụng chứng từ điện tử đảm bảo các nội dung bắt buộc theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

Cục Thuế trả lời để Công ty biết và thực hiện./

Nơi nhận: *Như trên*

- Như trên;
- Phòng NVDTTC; TTKT1;
- Website, Zalo Cục Thuế;
- Lưu: VT, TT-HT (02b).



